

VAI TRÒ CỦA TẦNG LỚP ĐỊA CHỦ TRONG CÔNG CUỘC KHAI PHÁ, BẢO VỆ VÙNG ĐẤT NAM BỘ THẾ KỶ XVII – XVIII

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

TÓM TẮT

Công cuộc khẩn hoang Nam Bộ trong suốt 2 thế kỷ (XVII–XVIII) có sự đóng góp tích cực từ tầng lớp địa chủ. Với chính sách phù hợp của nhà Nguyễn, tầng lớp địa chủ ở Nam Bộ tích cực mở cõi, khai phá vùng đất mới, phát triển kinh tế vùng đất mới, làm thành chỗ dựa vững chắc cho các chúa Nguyễn củng cố quyền lực, đồng thời cùng với chính quyền từng bước xác lập và bảo vệ chủ quyền trên vùng đất mới. Địa chủ đã đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ quá trình khẩn hoang, mở mang bờ cõi, tạo dựng nên bộ mặt văn hóa xã hội, thiết chế hành chính, chính trị xã hội của vùng đất Nam Bộ.

Từ khóa: địa chủ, Nam Bộ, khẩn hoang, kinh tế

*

Công cuộc khẩn hoang Nam Bộ kéo dài trong suốt 2 thế kỷ XVII – XVIII đã làm xuất hiện tầng lớp địa chủ. Cùng với những thành phần cư dân khác, địa chủ Nam Bộ đã đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ quá trình khẩn hoang, mở mang bờ cõi. Dưới đây là những phân tích đánh giá bước đầu về một số vai trò của địa chủ Nam Bộ trong quá trình ấy.

1. Tích cực trợ giúp chúa Nguyễn mở cõi, khai phá vùng đất mới

Những lưu dân Việt đầu tiên vào Nam Bộ khẩn hoang trở thành những địa chủ đầu tiên trên vùng đất Nam Bộ giai đoạn nửa sau thế kỷ XVIII. Phong trào di dân tự phát vào Nam Bộ mạnh dần lên, đặt các chúa Nguyễn trước một thực tế cần phải có những chính sách, động thái tích cực để bảo vệ, trước hết là sinh mạng và quyền lợi của lưu dân Việt trên một vùng đất mà vào giai đoạn đó hoàn toàn chưa thuộc về chúa

Nguyễn. Những động thái của các đời chúa Nguyễn trong việc bảo vệ lưu dân như can thiệp với quốc vương Chân Lạp để cho người Việt di dân khai khẩn đất hoang, đặt doanh binh hành tuần, đặt đồn thuế để bảo vệ dân Việt đều diễn ra khi giữa biên giới Đàng Trong và vùng đất mới Nam Bộ vẫn còn bị ngăn cách bởi vương quốc Chiêm Thành. Như vậy, chính những người tự phát di dân với các quyền lợi địa chủ mới của người Việt ở Nam Bộ đã tạo động lực cho các đời chúa Nguyễn nảy sinh ý tưởng và nhu cầu trách nhiệm phải tiếp thu, làm chủ vùng đất gần như vô chủ này sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam.

Quá trình khai phá đất đai, một mặt biến những nông dân thiếu đất ở Đàng Trong thành những địa chủ ở Nam Bộ, mặt khác cũng giúp tạo dựng cơ sở hạ tầng, biến những vùng đất hoang hóa thành xóm làng, thôn ấp, tạo điều kiện cho chúa

Nguyễn từng bước thiết lập các đơn vị hành chính lên vùng Nam Bộ. Mãi đến năm 1698, Gia Định Phủ, đơn vị hành chính đầu tiên thuộc chúa Nguyễn mới được ra đời. Việc khẩn hoang, chiếm hữu đất đai tự phát của giới nông dân – địa chủ đã đi trước việc xác lập quyền thống trị nhà nước gần một thế kỷ. Trong quãng thời gian đó, sự cần cù, chịu khó lao động đã làm thay đổi cơ bản diện mạo cư trú, dân tộc, nhân học và nhiều mặt xã hội khác của toàn vùng Nam Bộ rộng hơn 30.000 km². Chính địa chủ Nam Bộ, trên chặng đường hình thành kéo dài gần một thế kỷ này đã biến cơ cấu xã hội có quy mô hết sức nhỏ lẻ chỉ là các làng xã khoảng đầu thế kỷ XVII không quá “nhị thập nhân” (20 người) để từ đó phát triển thành một phủ Gia Định “dư tứ vạn hộ”, với số dân ước trên 200.000 người⁽¹⁾.

Theo Lê Quý Đôn, vào những năm 70 của thế kỷ XVIII, huyện Tân Bình có ruộng thực trưng hơn 1.454 mẫu, huyện Phước Long có ruộng thực trưng hơn 787 mẫu, đây là chưa kể các khoản ruộng núi, đất dâu, đất mía, đất vườn trầu, ruộng các họ, ruộng quan đồn điền. Huyện Phước Long còn có Trường Giang Thảo có ruộng đất ngoài 6000 sớ. Ở khu vực tả ngạn sông Tiền, hai thuộc Quy An và Quy Hoá, ruộng đất mỗi nơi đều ngoài 5000 sớ.⁽²⁾

Chỉ tính riêng khu vực Tiền Giang ngày nay, địa chí Tiền Giang đã đưa ra những con số cụ thể, theo đó thì: Thuộc Tam Lạch (Ba Giồng) số dân đinh 4.000 với số ruộng 5.000; Thuộc Bà Lai (có lẽ là Bà Rài – Cai Lậy ngày nay) số dân đinh 4.000 với số ruộng 4.000; Thuộc Bà Kiến ở Châu Định Viễn (Rạch Kiến trong đó có Cai Lậy – Cái Bè ngày nay) số dân đinh 7.000 với số ruộng 7.000. Tổng cộng ở Tiền Giang số dân đinh 15.000 người với số ruộng (sớ) là 16.000.

Nếu lấy số liệu tổng diện tích khai khẩn của toàn Nam Bộ cho đến cuối thế kỷ XVIII là 32.000 sớ ruộng với 21.000 dân đinh thì vùng thuộc Tiền Giang ngày nay có số dân chiếm tỉ lệ 71,42% số dân đinh và diện tích khai khẩn chiếm tỉ lệ 50% diện tích khai khẩn toàn Nam bộ. Dù thống kê không đầy đủ các vùng, nhưng với những số liệu trên đây cũng phác họa phần nào thành quả hết sức tích cực trong hai thế kỷ khai phá mà các lực lượng khẩn hoang ở Nam Bộ đạt được, trong đó không thể không nhắc đến địa chủ Nam Bộ.

Trong một thế kỷ tiếp theo, cho đến khi Nguyễn Ánh trở thành Gia Long hoàng đế, địa chủ tiếp tục là hạt nhân, giai cấp xã hội đóng vai trò chính thu hút nhân, tài, vật lực để khai phá, xây dựng nên hạ tầng xã hội khắp các vùng, làm cơ sở cho chúa Nguyễn xây dựng nên toàn bộ cấu trúc xã hội vùng Nam Bộ. Đồng thời, họ cũng đóng góp rất lớn để tạo ra một vựa lúa mới dồi dào, giải quyết vấn đề lương thực cho toàn xứ Đàng Trong, trực tiếp khẳng định vị thế là một bộ phận không thể thiếu, không thể tách rời của quốc gia Việt Nam.

2. Tham gia và đi đầu trong phát triển kinh tế vùng đất mới

Nhờ nhận biết được vị trí và điều kiện tự nhiên thuận lợi của vùng đất mới, cũng như những chính sách khuyến khích và bảo hộ quyền chiếm hữu ruộng đất để khai khẩn đối với người dân của các chúa Nguyễn mà công cuộc khẩn hoang ở Nam Bộ đã mở rộng rất nhanh và sản xuất nông nghiệp sớm đi vào sản xuất lớn, đưa tới hình thành một nền kinh tế hàng hóa phát triển với thị trường nông sản hàng hóa dồi dào. Trên cơ sở đó, chính quyền phong kiến cũng vì thế mà được thiết lập và củng cố ngày càng vững mạnh.

Do những đặc điểm riêng trong quá trình khẩn hoang, hình thức sở hữu tư nhân về ruộng đất đã sớm hình thành và giữ vị trí chủ đạo ở vùng đồng bằng Nam Bộ. Quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất vào tay các địa chủ đã giúp cho bộ phận này nắm được một số lượng nông sản to lớn. Lượng nông sản đó được đưa ra thị trường và trở thành hàng hoá trao đổi.

Chính vì có sự xuất hiện sớm bộ phận sở hữu lớn ruộng đất của địa chủ mà phần nông sản dư thừa có thể đem bán đã đạt tới một khối lượng rất lớn, đưa tới sự hình thành tương đối sớm nền kinh tế hàng hóa ở đây. Đồng bằng Nam Bộ từ chỗ là một vùng đất hoang, đầy rừng rậm, lau sậy,... đã được mở mang và ngay từ rất sớm đã trở thành một vựa lúa lớn, sản xuất thóc gạo đã dư thừa so với nhu cầu lương thực tại chỗ. Lúa gạo sản xuất được không chỉ đáp ứng được nhu cầu lương thực của nhân dân tại chỗ mà còn là nguồn cung cấp thóc gạo chủ yếu cho cả xứ Đàng Trong, đặc biệt là vùng Thuận Hoá.

Trên cơ sở một nền nông nghiệp trồng lúa khá phát triển, sản xuất lúa gạo có sự dư thừa so với nhu cầu tiêu dùng, trong xã hội bắt đầu xuất hiện sự phân công lao động, dẫn tới sự ra đời của nhiều ngành thủ công như mộc, chạm bạc, tiện, nhuộm, vẽ, dệt.... Bước đầu thủ công nghiệp đã tách ra khỏi nông nghiệp. Ở mỗi vùng đã xuất hiện các nghề thủ công truyền thống, mặc dù chưa đạt tới trình độ chuyên môn hoá cao. Từ thành quả của kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp, việc trao đổi hàng hoá ở vùng Đồng Nai – Gia Định cũng sớm được mở rộng. Ngành lưu thông buôn bán quan trọng nhất lúc bấy giờ là buôn gạo từ Gia Định ra Thuận Quảng và mua hàng hoá từ Thuận Quảng vào Gia Định.

Do sản xuất hàng hoá phát triển và việc buôn bán sớm trở thành một hoạt động kinh tế quan trọng, cho nên trong thế kỷ XVIII, vùng này đã xuất hiện nhiều thị tứ, nhiều điểm buôn bán sầm uất, trong đó có một số điểm đã trở thành những trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế nổi tiếng như Nông Nại Đại Phố ở Biên Hoà, thương cảng Sài Gòn (tức Chợ Lớn ngày nay), thương cảng Hà Tiên, thương cảng Bãi Xàu, phố chợ Mỹ Tho... Phố chợ Mỹ Tho phát triển trở thành một trong những trung tâm, điều phối hoạt động thương mại của khu vực Tây Nam Bộ và góp phần hướng nền nông nghiệp ở Nam Bộ ngay từ rất sớm đi vào sản xuất hàng hóa. Về vấn đề này, Giáo sư Phan Huy Lê nhận xét: *“Thời kỳ từ cuối thế kỷ XVI đến năm 1836, vùng Đồng Nai – Gia Định chỉ có chế độ tư hữu ruộng đất và nông thôn gồm những thôn ấp dựa trên chế độ sở hữu ruộng đất này. Đây là một kết cấu kinh tế – xã hội khác với các vùng khác; và chính nó đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế hàng hóa, làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt kinh tế của Đồng Nai – Gia Định”*⁽³⁾. Tác giả Nguyễn Đình Đầu cũng có ý kiến tương tự: *“việc tư nhân chiếm hữu ruộng đất triệt để và việc ruộng đất lần hồi tập trung trong tay một thiểu số người giàu đã tạo cho xã hội miền Nam, rõ ràng, có tình trạng tiền tư bản chủ nghĩa... mà dấu hiệu của sự hình thành chủ nghĩa tư bản là tình hình sản xuất hàng hóa đã tới mức cao”*⁽⁴⁾. Còn tác giả Lê Văn Năm thì cho rằng: *“Sở hữu đất đai tư nhân, nhất là việc tập trung ruộng đất trong tay các địa chủ lớn đã giúp cho những người này nắm được một số lượng nông sản to lớn. Lượng nông sản đó được đưa ra thị trường”*⁽⁵⁾.

Ngoài các thương cảng và thị tứ, một mạng lưới các chợ đã sớm hình thành ở Nam Bộ, từ những nơi thị tứ cho đến các

vùng nông thôn, nhất là ở những giao điểm các trục lộ đường thủy, đường bộ, ở các bến đò, các lỵ, sở hành chính... Trong đó có nhiều chợ hình thành từ rất sớm và khá trù mật như: chợ Đồng Nai, chợ Bến Cá, chợ Đồng Sử, chợ Lò, chợ Thủ Đức, chợ Bà Rịa... thuộc trấn Biên Hoà; chợ Phố Thành, chợ Sỏi, chợ Điều Khiển, chợ Sài Gòn, chợ Bến Nghé... thuộc trấn Phiên An; chợ Mỹ Tho, chợ Sông Tranh, chợ Cái Bè... thuộc Trấn Định Tường.

Thóc gạo ở Nam Bộ trở thành nguồn cung cấp chủ yếu của vùng Thuận Hóa và cả miền Trung. Pierre Poivre trong nhật ký ngày 27/2/1749 viết: *“Hiện nay, Đồng Nai (chỉ chung vùng đồng bằng sông Cửu Long) là một vựa lúa của xứ Đàng Trong. Vùng này đã cung cấp cho toàn xứ một khối lượng lớn về thóc”*. Hay *“vùng đồng bằng sông Cửu Long, ngay từ rất sớm, đã là vựa lúa lớn, sản xuất thóc gạo dư thừa, so với nhu cầu lương thực của nhân dân tại chỗ, còn được đem bán đi các nơi khác ở trong nước, chủ yếu là các phủ phía ngoài của xứ Đàng Trong, nhất là xứ Thuận Hóa... Thóc gạo từ Nam chuyển ra miền Trung là nhiều, nhưng không tính được số lượng cụ thể”*⁽⁶⁾. Trong nghiên cứu của mình LiTana cho rằng, thóc gạo ở Nam Bộ không chỉ là nông sản đơn thuần mà đã trở thành hàng hóa, được bán đi khắp nơi sớm nhất là từ đầu thế kỷ XVIII. Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* cũng cho biết: *“Miền Gia Định có rất nhiều thóc lúa... Hàng năm, cứ đến tháng 11 và tháng chạp, người ta thường xay, giã thóc lúa thành gạo đem đi bán lấy tiền tiêu dùng vào những lễ tiết chạp. Những lúc bình thường, người ta chuyên chở gạo thóc ra bán tại thành Phú Xuân để đổi chác hay mua sắm những hàng vóc nhiễu, trầu đoạn của người Tàu”*⁽⁷⁾.

Với việc thóc gạo trở thành mặt hàng kinh doanh lớn, giới thương buôn chuyên kinh doanh thóc gạo cũng được hình thành nhanh chóng và ngày càng gia tăng về số lượng. Những người này thường đi bằng các thuyền lớn từ miền Trung vào, sau đó neo đậu tại các cửa biển hoặc tại các thương cảng, phố chợ lớn; từ đó dùng các thuyền nhỏ hơn luân lách khắp nơi sâu trong nội địa để thu mua thóc gạo. Theo tác giả Lê Văn Năm thì thuyền buôn ở Nam Bộ chở thóc gạo ra bán ở Phú Xuân năm 1768, có 341 chiếc; năm 1774, có hơn 1.000 chiếc⁽⁸⁾. Nếu tính bình quân mỗi chiếc thuyền có thể chở được 20 – 30 tấn thì số gạo ấy phải lên đến hàng ngàn tấn. Đây chính là thành quả của quá trình khai hoang tích cực của người dân Nam Bộ ở thế kỷ XVIII.

Ngoài số thóc gạo hàng hóa, chính quyền chúa Nguyễn còn có một khối lượng thóc gạo nhất định được trữ trong các kho của nhà nước. Đó là số thóc thuế do dân đóng. Lúc bấy giờ là thóc thuế của hai trường Tam Lạch và Bả Canh ở Tiền Giang nộp vào kho Định Viễn. Hàng năm, một phần thóc thuế các kho địa phương được chở về miền Trung trữ ở các kho, như thóc thuế của kho Định Viễn được chuyên chở về kho Thọ Khang thuộc phường Thọ Khang, huyện Phú Vang (Phú Xuân), thuộc quyền quản lý của Nội Các. Chính nhờ vậy, xứ Đàng Trong mới có đủ lương thực cung ứng cho nhân dân, mặc dù vùng Thuận Hóa và Quảng Nam có sự gia tăng dân số liên tục và đặc biệt là từ đầu thế kỷ XVIII, khỏi phải mua thóc gạo của Xiêm và Cao Miên⁽⁹⁾.

Không chỉ phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước, thóc gạo của Nam Bộ còn được xuất khẩu ra nước ngoài, đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Sách *Phủ biên tạp lục* ghi: *“các khách buôn người Tàu thường tới*

những nơi ấy mua bán đã quen thuộc, ai cũng tấm tắc khen ngợi”⁽¹⁰⁾. Về số lượng gạo được xuất khẩu theo con đường này, theo Trần Ngọc Định dẫn lại từ P. Vital trong *Les premières années de la Cochinchine*, vào những năm 70 của thế kỷ XIX, hàng năm, có khoảng 12.000 tấn thóc gạo đã được bán ra nước ngoài bởi các thương buôn Trung Quốc.

Sau thóc gạo, cau là mặt hàng nông sản đứng hàng thứ hai được tiêu thụ rất mạnh trên thị trường trong nước và nước ngoài *“Nam Bộ nhất thóc nhì cau”*. Thời bấy giờ cau được trồng ở nhiều vùng, nhưng nổi tiếng nhất phải kể đến cau ở Kiến Đăng và Kiến Hưng thuộc trấn Định Tường và nhất là cau ở Mỹ Lồng thuộc trấn Vĩnh Thanh, tại đây *“có vườn cau đứng rậm như rừng quả lớn, lại sai trái”*⁽¹¹⁾.

Ngoài ra các loại thủy sản cũng là mặt hàng được bán rất chạy trên thị trường. Theo Lê Quý Đôn, nguồn lợi cá tôm ở vùng cửa Tiểu là rất lớn và nhiều đến nỗi người ta ăn không hết, làm khô, bán cho các bạn hàng. Ở vùng Đồng Tháp Mười, cá, tôm ở sông rạch, ao, đồng ruộng nhiều không kể xiết. Từ đó, giới thương lái chuyên buôn bán cá, tôm được hình thành. Họ đóng những chiếc ghe lớn để chở được nhiều cá và đưa đi khắp nơi để tiêu thụ, thu về được nguồn lợi lớn.

Chính sự mở rộng công cuộc khẩn hoang và sản xuất nông nghiệp, thương mại trong các thế kỷ XVII, XVIII đã làm thay đổi bộ mặt xã hội của đồng bằng Nam Bộ. Trong những biến đổi về mặt xã hội, còn có một hiện tượng nổi bật là sự phát triển công cuộc khẩn hoang đồng thời cũng là quá trình diễn ra sự phân hoá về mặt xã hội ngày càng sâu sắc. Chính địa chủ Nam Bộ trong quá trình khẩn hoang, với tiềm lực

kinh tế, tài chính khá hùng hậu của mình đã thuê mướn nhân công, tổ chức khai hoang với quy mô lớn, từ đó trở thành những địa chủ chiếm hữu nhiều ruộng đất. Từ đây bộc lộ những mặt hạn chế là sự hình thành và ngày càng mở rộng của bộ phận ruộng đất thuộc sở hữu lớn của địa chủ dựa vào thế lực kinh tế và đôi khi cả thế lực chính trị, thông qua các phương thức cầm cố, cưỡng đoạt, thôn tính dần những đất đai thuộc sở hữu nhỏ nông dân, đẩy nông dân nghèo vào tình cảnh mất đất, không còn phương tiện sinh sống. Điều này cho thấy rằng ngay trong giai đoạn thế kỷ XVII – XVIII, sự mở rộng công cuộc khẩn hoang và gia tăng sản xuất nông nghiệp trong quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ, đồng thời cũng bộc lộ những mâu thuẫn xã hội. Mặc dù vậy, một thực tế không thể phủ nhận là những thành tựu đạt được về mặt khẩn hoang và phát triển kinh tế trong giai đoạn này có sự đóng góp rất lớn của địa chủ ở Nam Bộ. Và chính những thành tựu này là nền tảng cho công cuộc khai phá vùng đồng bằng Nam Bộ trong những thế kỷ tiếp theo.

3. Làm chỗ dựa vững chắc cho các chúa Nguyễn củng cố quyền lực trên vùng đất mới

Nhờ những chính sách ủng hộ, hậu thuẫn của các đời chúa Nguyễn trước đó với phong trào di dân khẩn hoang Nam Bộ, đa số các địa chủ lớn của miền Nam đều có cảm tình và giúp đỡ Nguyễn Ánh rất nhiều trên đường trốn chạy sự truy đuổi của nhà Tây Sơn. Nhiều địa chủ Nam Bộ sau này đã trở thành cai, chương, nắm giữ nhiều vị trí quan trọng trong hàng ngũ đạo quân phục thù của Nguyễn Ánh. Cụ thể là các trường hợp:

– **Nguyễn Văn Trương** từ huyện Lễ Dương (nay là huyện Thăng Bình), tỉnh Quảng Nam, di cư vào đất Gia Định. Năm

1787, chúa Nguyễn từ Xiêm về nước, Nguyễn Văn Trương đem 300 quân, 15 chiến thuyền binh chạy vào Long Xuyên (Cà Mau) giúp chúa Nguyễn, được phong chức Chương cơ. Sau, nhờ lập thêm nhiều chiến công, được phong làm Khâm sai chương đạo tiền phong, Trung quân thủy dinh.

– **Trương Tấn Bửu** sinh ở làng Hưng Lễ, tổng Bảo Phước, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre), là con của ông Trương Tấn Khương và bà Trần Thị Nghĩa. Năm 1787, chúa Nguyễn Ánh chạy trốn quân Tây Sơn, có ghé nhà cha ông tạm trú một đêm, ông xin theo phò tá, được làm Cai cơ, thuộc đạo quân của Tôn Thất Hội. Năm 1790, thăng chức Hậu quân Hậu chi Chánh chương chi, rồi đổi qua Chương quân Tiền quân. Năm 1797, lập được nhiều chiến công ở Bình Định, Hội An, ông được thăng chức Tiền quân Phó tướng. Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi, phong ông làm Chương dinh, quản lĩnh đạo quân Bắc Thành.

– **Nguyễn Huỳnh Đức** (nguyên là Huỳnh Tường Đức), sinh trưởng tại giồng Cái Én, làng Trường Khánh, châu Định Viễn, dinh Long Hồ (nay thuộc ấp Dinh, xã Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An). Vốn xuất thân trong một gia đình quan võ đều theo phò chúa Nguyễn và đều được phong chức Cai đội, tham gia trấn áp cuộc nổi loạn Sá Tốt. Sau đó, gia đình ông ở lại khai khẩn và lập nghiệp tại vùng Vũng Gù. Năm 1782, ông được phong chức Tiền quân. Vì có công cứu chúa, ông được ban "quốc tính", mang tên là *Nguyễn Huỳnh Đức*.

– **Nguyễn Văn Nhơn** sinh năm 1753, tại làng Tân Đông, huyện Vĩnh An, tỉnh An Giang (nay thuộc xã Tân Khánh Đông, thị

xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp). Ông là con ông Nguyễn Quang (tước Minh Đức hầu) và bà Thị Áo. Năm 1774, được thăng Cai đội. Năm 1778, ông được thăng Cai cơ. Năm 1795, ông làm Lưu thủ Trấn Biên (Biên Hòa). Năm 1797, ông về giữ Gia Định, lãnh việc vận lương kiêm việc ở bộ Hộ. Năm 1802, phong ông làm Chương Chấn võ quân, tước Nhơn Quận công; giữ chức Lưu trấn Gia Định trấn đến năm 1805.

– **Võ Tánh** sinh tại huyện Phước An, tỉnh Biên Hoà (nay thuộc tỉnh Đồng Nai), sau dời về huyện Bình Dương, Gia Định. Từ năm 1783 – 1788, ông cùng anh nổi dậy tại thôn Vườn Trầu (Hóc Môn), tự xưng là *Nghĩa quân Kiến Hòa* rồi kéo quân chiếm giữ cả vùng Gò Công. Năm 1788, nhận lời mời của chúa Nguyễn Phúc Ánh, ông đến Nước Xoáy (Sa Đéc) hội binh, được phong là *Tiền phong dinh Khâm sai chương cơ*, và được chúa gả cho em gái là Ngọc Du. Năm 1790, Võ Tánh tiến đánh thành Diên Khánh. Năm 1793, Võ Tánh được thăng chức *Khâm Sai Quán Suất Hậu Quân Dinh Bình Tây Tham Thắng Tướng Quân Hộ Giá*. Năm 1797, ông theo Nguyễn Phúc Ánh ra đánh Quảng Nam. Năm 1799, ông lại theo chúa Nguyễn tiến đánh Quy Nhơn.

– **Lê Văn Duyệt** ở Gò Công, sinh năm 1764 tại vàm Trà Lọt, làng Hòa Khánh, châu Định Viễn, dinh Long Hồ (nay thuộc xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Ông nội của Lê Văn Duyệt là Lê Văn Hiếu từ làng Bò Đề, huyện Mộ Đức (Quảng Ngãi) vào đây sinh sống. Sau khi Lê Văn Hiếu qua đời, cha ông là Lê Văn Toại rời vùng Trà Lọt đến ở tại vùng Rạch Gầm, làng Long Hưng (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), trở thành địa chủ giàu có. Năm 17 tuổi Lê Văn Duyệt đã cứu Nguyễn Ánh thoát chết khi bị đắm

thuyền trên sông, sau đó gia nhập hàng ngũ cận tướng của Nguyễn Ánh, lập nhiều công to. Sau khi tiêu diệt được nhà Tây Sơn, Lê Văn Duyệt đã được Nguyễn Ánh phong làm Tổng trấn Gia Định Thành, thực chất là một phó vương có toàn quyền sinh sát trên toàn vùng đất Nam Bộ kéo dài từ Bình Thuận đến Cà Mau.

Với những chính sách thời chiến tạm thời, cộng với năng lực, thái độ kém cỏi của Nguyễn Lữ, người đại diện của nhà Tây Sơn cai quản khu vực phía Nam, địa chủ Nam Bộ đã nhìn thấy những bất lợi đe dọa quyền lợi tư hữu ruộng đất của họ. Vì vậy, trong hầu hết các giai đoạn tranh chấp, địa chủ Nam Bộ đều ủng hộ Nguyễn Ánh.

Tận dụng sự ủng hộ này, Nguyễn Ánh ngay từ giai đoạn đầu phục quốc đã có nhiều biện pháp tranh thủ lòng dân, nhằm tăng cường tài lực, vật lực và cả nhân lực để xây dựng quân đội lớn mạnh cự địch với nhà Tây Sơn. Trong thời gian cuộc nội chiến còn diễn ra trên đất Gia Định, Nguyễn Ánh đã cho thực hiện nhiều biện pháp kinh tế, xã hội và hành chánh, mặc dù những hoạt động này nhằm mục tiêu củng cố sức người sức của để phục vụ chiến tranh chống Tây Sơn, nhưng đã gián tiếp làm cho tình hình kinh tế xã hội Gia Định không tồi tệ như ở Trung và Bắc Hà. Đó là điều mà Tây Sơn chưa hề làm được ở Gia Định. Và cũng chính những biện pháp này đã lôi kéo được tầng lớp địa chủ và một bộ phận lớn nông dân ngả về phía Nguyễn Ánh.

Xuất thân là con cháu các chúa Nguyễn. Do đó, phần lớn nhân dân Gia Định dành nhiều tình cảm sâu nặng với các chúa Nguyễn, đương nhiên họ có bản phận ủng hộ, giúp đỡ Nguyễn Ánh khôi phục cơ đồ mà các chúa Nguyễn đã dày công gây dựng trăm năm qua, theo suy nghĩ đơn giản

“on đền oán trả”, “ăn trái nhớ kẻ trồng cây”. Có thời gian, Nguyễn Ánh ẩn náu tại làng Long Hưng (tức Nước Xoáy, Sa Đéc, Đồng Tháp), được một địa chủ tên Nguyễn Văn Hậu nuôi cơm. Nguyễn Ánh thường ra ngồi câu cá ở bên sông và suy nghĩ tìm đường chống Tây Sơn. Do đó, nơi này có sự tích Cây đa bên Ngự và năm 1787, Nguyễn Ánh cho xây dựng một đồn binh nơi đây. Ông cũng nhận địa chủ Nguyễn Văn Hậu làm cha đỡ đầu, đến năm 1807 cho xây Lăng Ông Bô (cha đỡ đầu của vua) tại đây.

Nguyễn Ánh triệt để khai thác tình cảm của nhân dân Nam Bộ để vừa vận động, vừa ép nhân dân góp của, góp sức xây dựng lực lượng. Cho nên ta thấy có lúc lực lượng Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đánh gần như tan rã hoàn toàn, nhưng chỉ một thời gian ngắn sau đó lại hồi phục nhanh chóng. Đồng thời cũng phải thừa nhận rằng, Nguyễn Ánh đã khôn khéo đưa ra hàng loạt chủ trương bồi dưỡng, khoan dung sức dân, để lôi kéo dân chúng về phía mình.

Năm 1778, Nguyễn Ánh cho đắp lũy đất ở phía tây sông Bến Nghé, đóng hơn 50 chiến thuyền hiệu “Long Lan” để bảo vệ Sài Gòn. Năm 1779, Nguyễn Ánh tổ chức lại việc cai trị đất Gia Định, chia làm 3 dinh: Trấn Biên (Biên Hòa), Phiên Trấn (Gia Định và Định Tường) và Long Hồ (Vĩnh Long và An Giang), chinh đồn lại thuế điền, tích trữ lương thực để chống lại Tây Sơn. Rồi nâng đạo Trường Đồn (Mỹ Tho) thành dinh. Như vậy, đất Gia Định gồm 4 dinh và một trấn là Hà Tiên. Nguyễn Ánh đặt các chức quan: Lưu thủ, Cai bạ, Ký lục để trông coi việc cai trị. Lúc bấy giờ dân cư còn thưa thớt, nên dưới mỗi dinh và trấn chỉ có một huyện. Dưới huyện là các tổng; dưới tổng là các thôn hoặc xã. Nói

một cách cụ thể hơn, trong thời gian này tiếp tục hoàn thiện một bước nữa công cuộc khai hoang của các chúa Nguyễn bị bỏ dở, có tác động tâm lý sâu sắc đối với nhân dân Gia Định trong cuộc nội chiến.

Đến cuối thế kỷ XVIII, đất Gia Định sau hơn một trăm năm khai phá, dù diện tích được đưa vào sản xuất nông nghiệp chưa phải là nhiều, nhưng đất đai màu mỡ, nguồn lợi tự nhiên hết sức phong phú đã sớm xuất hiện nền kinh tế hàng hóa trên vùng đất mới này.

Những chính sách khuyến nông của Nguyễn Ánh đã được sự ủng hộ của đại địa chủ Nam Bộ, bằng cách tích cực đóng góp thóc gạo và nhân lực cho quân đội của chúa Nguyễn. Nhờ vậy, sau một thời gian dài, từ đất Gia Định, quân và thế của Nguyễn Ánh đã lớn mạnh hẳn lên, trong khi quân Tây Sơn, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Lữ thì suy yếu dần.

Thế lực của Nguyễn Ánh ở đây trước hết là thế mạnh từ tổ chức xã hội Gia Định, nó được hình thành trên cơ sở sự giàu mạnh của địa chủ mới nặng ân tình với họ Nguyễn và thương nhân người Hoa. Cấu trúc xã hội Gia Định vào cuối thế kỷ XVIII như đã trình bày ở trên, không giống như ở Bắc Hà hay vùng Thuận Quảng. Nó không còn xã hội thuần nông tự cung tự cấp, mà đã phát triển với nền kinh tế hàng hóa – tiền tệ, dù không tái sản xuất.

4. Cùng với chính quyền các chúa từng bước xác lập và bảo vệ chủ quyền trên vùng đất mới

Trong tiến trình khẩn hoang, mở cõi ở Nam Bộ, các chúa Nguyễn đã liên tục bị gây hấn, lấn chiếm từ bên ngoài và khởi loạn từ bên trong. Năm 1688, Hoàng Tiễn ở vùng Vũng Gù, Mỹ Tho nổi loạn, giết chủ

là Dương Ngạn Địch, sau đó thả quân sang tận Cao Miên cướp bóc, đồng thời xây hào đắp lũy chiêu binh mãi mã tính kế cát cứ. Nhân cơ hội, Phó vương Nặc Thu của Chân Lạp cũng dấy loạn, quấy nhiễu. Thống binh Nguyễn Hữu Hào được chúa Nguyễn phái vào dẹp loạn, lập mưu giết được Hoàng Tiễn, đuổi cả hai phó vương Nặc Thu lẫn Nặc Nộn về bên kia biên giới. Hành quân xa, đạo quân của Nguyễn Hữu Hào đã được các địa chủ vùng Tiền Giang giúp đỡ, cung cấp lương thực để đánh dẹp Hoàng Tiễn, thiết lập lại trật tự vùng Mỹ Tho, sau đó đánh đuổi sự lấn chiếm của các thế lực phong kiến Chân Lạp âm mưu gây hấn. Xong việc binh, theo lệnh Chúa, Nguyễn Hữu Hào đã để quân binh ở lại lập thành đồn trại khẩn hoang, khai thác vùng Vũng Gù.

Năm 1698, Chân Lạp lại có biến, âm mưu nổi loạn và gây hấn. Nhóm người Hoa Nông Nại có ý nhân cơ hội để cát cứ. Chúa Nguyễn Phúc Chu lại sai Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý Đồng Nai. Địa chủ người Việt đã hợp tác chặt chẽ và tích cực với Nguyễn Hữu Cảnh trong việc thống kê lại diện tích đất đai, dân số để làm cơ sở thiết lập phủ Gia Định, sắp xếp lại cơ cấu hành chính toàn vùng, khép cả người Việt lẫn người Hoa vào sự quản lý của chúa Nguyễn, dẹp tan mầm cát cứ. Nhóm Trần Thắng Tài (Trần Thượng Xuyên) ở Trấn Biên được lập thành xã Thanh Hà, thuộc huyện Phước Long, nhóm của Dương Ngạn Địch trước đây ở Mỹ Tho được lập thành xã Minh Hương, thuộc huyện Tân Bình.

Một năm sau, vua Nặc Thu lại đưa quân sang quấy phá vùng An Giang, giết người Việt. Nguyễn Hữu Cảnh lại được chúa Nguyễn sai đưa quân xuống dẹp. Những địa chủ cầm đầu các toán khai hoang lại là nguồn cung cấp nhân lực cho

Nguyễn Hữu Cảnh khai hào, đào và khơi thông các kênh rạch sau này là kênh ông Chương, sông Vàm Nao, sông Mân Thít để lấy đường cho thuyền lớn của đại quân vượt sông Tiền qua sông Hậu tiến lên vùng Châu Đốc để đón đánh Nặc Thu. Họ cũng góp công cùng binh lính của triều đình khai phá cù lao Vàm Nao, cày cấy lấy lương thực nuôi quân. Đến năm 1700, quân binh đã lớn mạnh, thuyền chiến sẵn sàng. Thấy khả năng không địch lại, ngay khi chiến thuyền của Nguyễn Hữu Cảnh vừa lên đường, Nặc Thu đã vội thu quân chạy mất. Tinh binh của Nguyễn Hữu Cảnh dong thuyền lên vây tận kinh thành Chân Lạp. Cháu Nặc Thu là Nặc Yêm mở thành xin hàng. Chỉ sau ít ngày, đích thân Nặc Thu cũng quay lại xin chịu hàng. Bất chiến tự nhiên thành, Nguyễn Hữu Cảnh trả lại kinh thành cho Nặc Thu với lời răn phải chăm lo định quốc an dân, không được xâm lấn, cướp bóc.

Một công lao khác của địa chủ Nam Bộ, đó là việc Mạc Cửu, lãnh chúa Hà Tiên xin dâng đất, thần phục chúa Nguyễn vào năm 1708, nhận chức Tổng binh do chúa Nguyễn ban cho. Việc này đã chính thức mở rộng và thừa nhận vương quyền của chúa Nguyễn lên vùng đất xa xôi nhất của Nam Bộ, nơi thật ra chưa có dấu chân của các đoàn di dân người Việt.

Sau khi Mạc Cửu mất, Chúa Nguyễn tiếp tục phong cho con của Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ làm Đô đốc trấn Hà Tiên. Sau khi được phong chức, Mạc Thiên Tứ không những ra sức xây dựng và phát triển Hà Tiên trở thành một trung tâm kinh tế phồn thịnh, mà ông còn nêu cao ý thức bảo vệ chủ quyền với tư cách là người được giao trách nhiệm bảo vệ vùng biên giới cực Nam đất nước. Sách *Đại Nam thực lục* cho

biết vào năm 1739: "*Nặc Bôn lấn Hà Tiên... Thiên Tứ đem hết quân bản bộ ra đánh đuổi tới Sài Mạt, ngày đêm đánh hăng, lương thực không tiếp kịp. Vợ là Nguyễn Thị đốc suất vợ lính vận lương đến nuôi quân, quân không bị thiếu ăn, hăng hái cố đánh phá được quân Bôn. Tin thắng trận báo lên, Chúa cả khen ngợi, đặc biệt cho Thiên Tứ chức Đô đốc tướng quân, ban cho áo bào đỏ và mũ đai, phong Nguyễn Thị làm Phu nhân. Do đó Chân Lạp không dám nhòm ngó Hà Tiên nữa*"⁽¹¹⁾.

Tháng 3 năm 1775, nhờ có sự chỉ dẫn, đưa đường, phân tích luồng lạch sông ngòi của một bộ phận địa chủ và những người khẩn hoang vùng quanh sông Mân Thít, vùng Rạch Gầm – Xoài Mút (Mỹ Tho, Tiền Giang), chỉ với khoảng 2 vạn quân, Nguyễn Huệ đã bài binh bố trận, lợi dụng địa hình địa thế và con nước đánh tan 3 vạn quân thủy cùng 300 chiến thuyền của quân Xiêm do Nguyễn Ánh rước về, buộc 2 vạn quân bộ của Xiêm La cùng 40.000 quân Việt của Nguyễn Ánh phải tháo chạy về Xiêm.

Tuy nhiều địa chủ và nông dân Nam Bộ ủng hộ Nguyễn Ánh, nhưng họ không hoàn toàn ủng hộ việc cầu viện, nhất là việc đưa lực lượng Xiêm sang chống Tây Sơn. Chúng tôi các bộ phận địa chủ Nam bộ luôn có tinh thần dân tộc, biết tạm gác khuynh hướng tình cảm riêng sang một bên, đặt quyền lợi Tổ quốc trên tình cảm cá nhân; họ đã phò giúp Nguyễn Huệ cả về lương thực, nhân lực lẫn trí tuệ để đánh đuổi quân xâm lược.

*

Trong các thế kỷ XVII – XVIII địa chủ Nam Bộ đã có nhiều đóng góp trong quá trình khai phá, mở mang bờ cõi, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ ở vùng đất Nam Bộ và là

chỗ dựa vững chắc của chúa Nguyễn.

Trải qua hai thế kỷ với những nỗ lực, cùng với chính sách khẩn hoang tích cực của chúa Nguyễn, địa chủ và các thành phần cư dân khác đã mang đến cho vùng đất Nam Bộ một bộ mặt hoàn toàn mới.

Có thể nói, trong giai đoạn đầu của tiến trình khai phá Nam Bộ, các yếu tố thuận lợi hay rủi ro trong quá trình sản xuất đều được chia đều, dẫn đến quan hệ giữa địa chủ và tá điền cũng ít mâu thuẫn, mang màu sắc cộng sinh và hợp tác nhiều hơn. Tuy nhiên, sang đến thế kỷ XIX, quan hệ cộng sinh giảm dần, quá trình tập trung ruộng đất diễn ra mạnh mẽ gây nên hệ quả phân cực sở hữu

ruộng đất, dẫn đến mâu thuẫn xã hội gay gắt giữa địa chủ và tiểu nông tự canh cũng như với tá điền cày thuê. Các yếu tố cộng sinh, cộng tác – được xem như thành quả tiến bộ trong quan hệ sản xuất ở thế kỷ XVII – XVIII phai nhạt dần. Thay vào đó là quan hệ giữa địa chủ và tá điền hoặc với người nông dân tự canh bị kéo quay trở lại với hình thức “phát canh thu tô” truyền thống. Địa chủ Nam Bộ cũng quay lại đúng vai trò và bản chất của kẻ cai trị và bóc lột khiến tình trạng phân hóa giai cấp ở đây diễn ra ngày càng nghiêm trọng, kéo dài cho đến suốt thời kỳ thống trị của các vua triều Nguyễn sau này.

*

ROLE OF THE LANDLORD CLASS IN THE PROCESS OF EXPLORATION AND PROTECTION OF THE SOUTHERN REGION IN THE XVII – XVIII CENTURIES

Nguyen Thi Anh Nguyet

University of Social Sciences and Humanities (VNU–HCM)

ABSTRACT

The process of reclaiming the South in two centuries (XVII – XVIII) had positive contribution of the landlord class. With a consistent policy of the Nguyen Dynasty, the landlord class in the South region to actively explore and develop economy in new lands, prop up the Nguyen Lords to consolidate power, and together with the government to gradually establish and protect the sovereignty over new lands. Landlords had played an important role in the whole process of reclamation and expanding the borders, creating the social culture, administrative institutions, politics in the South region.

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Trịnh Hoài Đức, *Gia định thành thông chí*, Tập Trung, Bản dịch của Tu Trai, Nguyễn Tạo, Phủ Quốc khánh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1972 tr. 17.
- (2) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học Xã hội, 1977, tr. 179 – 180.
- (3) Nguyễn Đình Đầu, *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh*, Hội Sử học Việt Nam, 1992, tr. 9.
- (4) Nguyễn Đình Đầu, *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh*, Hội Sử học Việt Nam, 1992, tr. 72 – 75.
- (5) Lê Văn Năm, “*Sản xuất hàng hóa và thương nghiệp ở Nam bộ thế kỷ XVII – XIX*”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 – 4, 1988, tr. 54.
- (6) Lâm Quang Huyền, *300 năm kinh tế Sài Gòn – TPHCM*, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh, tr 151, 1998.

- (7) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học Xã hội, 1977, tr. 362.
- (8) Lê Văn Năm, “*Sản xuất hàng hóa và thương nghiệp ở Nam bộ thế kỷ XVII – XIX*”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 + 4, 1988, tr. 61.
- (9) Trần Hoàng Diệu, Hoàng Anh Tuấn (chủ biên), *Địa chí Tiền Giang*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam xuất bản, tr. 379, 2005.
- (10) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB. Khoa học Xã hội, 1997, tr.258.
- (11) Lê Văn Năm “*Sản xuất hàng hoá và thương nghiệp ở Nam bộ thế kỷ XVII – nửa đầu thế kỷ XIX*”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3+ 4, 1988, tr. 54.
- (12) Viện Sử học, *Đại Nam thực lục*, tập 1, NXB Giáo dục, 2007, tr. 1756.